

Bản án số: 228/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Bà Phan Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên số 382/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1987; địa chỉ: số 544, tổ 21, ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Phúc là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1986; địa chỉ: số 544, tổ 21, ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu và quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009 vợ

chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nhưng vì thương con chị vẫn sống chung, đến cuối năm 2020 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, anh G có tính ghen tuông vô cớ, hay kiếm chuyện với gia đình chị, cha mẹ chị có khuyên nhưng anh G vẫn không sửa đổi, chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ M, trong quá trình làm việc anh G có hứa sẽ sửa đổi, vào ngày 22/4/2022 chị rút đơn khởi kiện, nhưng về chung sống anh G vẫn không sửa đổi nên chị M nộp đơn xin ly hôn, chị và anh G không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010; Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay cháu Thư, cháu Khôi đang sống chung với chị T, khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Bị đơn anh Huỳnh Văn G trình bày: Anh nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không thì đúng như chị T trình bày, chị T cho rằng anh có tính hay tính ghen tuông, nhưng thật sự thì không có, anh vẫn còn thương vợ và thương con. Vợ chồng không còn sống chung 02 năm nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010; Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 230/2019, ngày 15/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 15/12/2009 (bản sao); Giấy khai sinh của Huỳnh Thị Anh Thư, Huỳnh Đăng Khôi (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn G vắng mặt nên không có ý kiến.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Phúc trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị T và anh G sau thời gian tự tìm hiểu và được cha mẹ tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang, chị T và anh G sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, anh G hay tính ghen tuông vô cớ, xuống nhà cha mẹ ruột của chị T kiểm chuyện nên chị T không còn sống chung với anh G từ cuối năm 2020 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị T, anh G không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010; Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014. Hiện tại, con chung đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng, trong quá trình làm việc thì 02 cháu cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh G do mai mối, tiến đến hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Điền B vào ngày 15/12/2009, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm, thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh G hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên cự cãi, nên đã ly thân đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với anh G.

Phía anh G không đồng ý ly hôn, do còn thương vợ, con.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh G là do anh G thường xuyên ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhiều lần và T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn trước đó, nhưng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T đã rút đơn khởi kiện, tạo cơ hội cho anh G sửa đổi, nhưng không được. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh G, nếu tiếp tục chung sống cũng

không hạnh phúc, nên việc chị T xin ly hôn với anh G là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010 và Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014, hiện con chung sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị T và anh G ly thân đến nay, cháu Thư, cháu Khôi sống chung với chị T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cả hai cháu đều có nguyện vọng sống với chị T. Để ổn định cho cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Huỳnh Văn G.

- Chị Nguyễn Thị Bích T được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010 và Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014. Anh Huỳnh Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn G cư trú tại tổ 21, ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, anh Huỳnh Văn G được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Huỳnh Văn G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa T, anh G là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị T xác định, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi, bất đồng quan điểm sống, anh G có tính ghen tuông vô cớ, hay kiếm chuyện với gia đình chị, cha mẹ chị T có khuyên nhưng anh G vẫn không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ khoảng 02 năm cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống do anh G hay có tính ghen tuông vô cớ, hay kiếm chuyện với gia đình chị T, cha mẹ chị T có khuyên nhưng anh G vẫn không sửa đổi, anh chị đã ly hôn 01 lần nhưng chị T cho anh G cơ hội sửa đổi và đã rút đơn ly hôn. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng được chính quyền địa phương nơi anh G sinh sống cung cấp thì anh chị sống chung mẫu thuẫn như thế nào thì không rõ, anh chị đã ly hôn một lần và hiện nay tiếp tục ly hôn, chị T và anh G không còn chung sống từ cuối năm 2020. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh G là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010; Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014, hiện nay sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Bên cạnh đó, cháu Anh Thư và cháu Đăng Khôi có nguyện vọng sống cùng chị T trong trường hợp chị T ly hôn với anh G. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp cháu Anh Thư, cháu Đăng Khôi phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Anh Thư, cháu Đăng Khôi cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 230/2009 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 15/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Huỳnh Văn G không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Thị Anh Thư, sinh ngày 01/02/2010; Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 19/5/2014. Anh Huỳnh Văn G không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Văn G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T, anh G trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004782 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 6 năm 2022; Chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Văn G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn